TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 236/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên Tòa***: bà Võ Thị Mỹ Nhan - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An – kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 671/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc ''Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 127/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Minh H, sinh năm: 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 466/19 Nguyễn Trung T, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị Ánh N, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Lê Minh H trình bày: anh và chị N chung sống vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tuc tập quán, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, hay cải nhau do bất đồng quan điểm, anh và chị N cũng đã tạo nhiều cơ hội cho nhau để sửa đổi nhưng không mang lại kết quả, từ đó giữa anh và chị N đã ly thân nhau Th đến nay đã 08 năm. Tình cảm vợ chồng đã không còn, giữa anh và chị N đã không chung sống vợ chồng với nhau trong một thời gian dài, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có với nhau 03 người con chung tên: Lê Mỹ T, sinh ngày 29/7/2007; Lê Gia B, sinh ngày 03/10/2010 và Lê B T, sinh ngày 16/8/2013, hiện tại các con đang sống với anh. Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con và xem xét đến nguyện vọng của các con, Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh xác định không có, tuy nhiên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Ánh N không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh H và vắng mặt tham gia tố tụng.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh H và chị Trương Thị Ánh N chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn với chị N lý do được anh H xác định giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể nào hàn gắn chung sống hạnh phúc. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh H và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn chị N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh H được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh H xác định anh và chị N có với nhau 03 con chung tên Lê Mỹ T, sinh ngày 29/7/2007; Lê Gia B, sinh ngày 03/10/2010 và Lê Bảo T, sinh ngày 16/8/2013. Hiện tại các con đang sống với anh H. Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con và xem xét đến nguyện vọng của các con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân nhau các con sống với anh H, các con vẫn phát triển bình T và theo ý kiến của các con thì đều có nguyện vọng sống với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu này của anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyếtt nên không xem xét

Về án phí: Buộc anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Anh Lê Minh H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với chị Trương Thị Ánh N nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trương Thị Ánh N với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Lê Minh H là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Chị Trương Thị Ánh N với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa cho chị N nhưng không thực hiện được do chị N không có mặt tại nhà. Tuy nhiên, mẹ ruột của chị N là bà Lê Thị H- ông Trương Văn Đ đã nhận thay cho chị N và chịu trách nhiệm thông báo, giao lại cho chị N. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Lê Minh H và chị Trương Thị Ánh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh H và chị Trương Thị Ánh N tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh H và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, được anh H xác định do bất đồng quan điểm, T xuyên cải nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt mà không thể nào hàn gắn chung sống hạnh phúc, hiện tại anh và chị N đã không còn chung sống vợ chồng đã hơn 08 năm. Xét thấy hôn nhân của anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, giữa anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh Lê Minh H được ly hôn với chị Trương Thị Ánh N.

[2.2] Về con chung: Anh H xác định anh và chị N có với nhau 03 con chung tên Lê Mỹ T, sinh ngày 29/7/2007; Lê Gia B, sinh ngày 03/10/2010 và Lê Bảo T, sinh ngày 16/8/2013. Theo anh H xác định, các con đang sống với anh. Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con trên cơ sở xem xét đến nguyện vọng của các con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nếu các con sống với anh. Tại bản khai thể hiện ý kiến của các con, các cháu T, B và T có nguyện vọng sống với anh H. Bản thân chị N cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối gì về con cũng như các yêu cầu của anh H. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao các con Lê Mỹ T, sinh ngày 29/7/2007; Lê Gia B, sinh ngày 03/10/2010 và Lê Bảo T, sinh ngày 16/8/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị N cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Lê Minh H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009058 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Minh H được ly hôn với chị Trương Thị Ánh N.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Mỹ T, sinh ngày 29/7/2007; Lê Gia B, sinh ngày 03/10/2010 và Lê Bảo T, sinh ngày 16/8/2013 là con chung của anh H và chị N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Lê Minh H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009058 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày được Th kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP